TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số:193/2023/HSPT
Ngày: 18/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Y Thông KBuôr và ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 207/2023/TLPT-HS, ngày 22 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo Phạm Đức M về tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HSST, ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo: Họ và tên: Phạm Đức M; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12. Bị cáo con ông Phạm Văn N (đã chết) và con bà Võ Thị P, sinh năm: 1974; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Đức M đã có giấy phép lái xe hạng C, là nhân viên của Công ty TNHH T. Ngày 19/8/2022, bị cáo được giao điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C - 105.97 vận chuyển cát xây dựng từ xã E, huyện K đến cửa hàng vật liệu xây dựng thuộc xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, trên xe ngoài bị cáo còn có anh Phạm Thế H ngồi ở vị trí ghế phụ của xe. Khoảng 12 giờ 05 phút cùng ngày, bị cáo M điều khiển ô tô lưu thông trên đường liên xã hướng từ xã E, huyện B đi xã

E, huyện C, khi đến đoạn đường cong cua về bên trái thuộc thôn 10, xã E, huyện B thì gặp xe ô tô mang biển kiểm soát 47C - 001.99 do anh Đồng Văn Q điều khiển đang lưu thông theo chiều ngược lại; trên xe ngoài Đồng Văn Q còn có anh Huỳnh Đức T và anh Nguyễn Hoàng B. Lúc này, do trời mưa, đường trơn trượt nên bị cáo không làm chủ được tay lái dẫn đến xe ô tô do bị cáo điều khiển lấn sang phần đường bên trái theo hướng di chuyển sau đó va chạm với xe ô tô 47C - 001.99 gây tại nạn giao thông đường bộ. Hậu quả, anh Đồng Văn Q và anh Huỳnh Đức T bị thương, bị cáo và những người khác không bị thương tích gì, hai xe ô tô bị hư hỏng nặng.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm phương tiện và lời khai của những người có liên quan, xác định: Điểm va chạm đầu tiên giữa hai xe ô tô được xác định cách mép đường chuẩn 4,47m, cách mốc cơ sở 18,4m, cách trục bánh trước bên phải xe 47C - 105.97 là 1,4m, cách trục bánh trước bên trái xe 47C - 001.99 là 3,85m.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 87/TgT-TTPY, ngày 03/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với Đồng Văn Q như sau: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích sau khi tổng hợp (cộng) các tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích là: 59% (Năm mươi chín phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 88/TgT-TTPY, ngày 03/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với Huỳnh Đức T như sau: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích sau khi tổng hợp (cộng) các tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích là: 25% (Hai mươi lăm phần trăm).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 07/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B đối với thiệt hại của xe ô tô mang biển kiểm soát 47C - 001.99, nhãn hiệu MITSUBISHI, loại xe ô tô tải thùng kín, màu sơn: Xanh, số loại: CANTER, số chỗ ngồi: 03 chỗ ngồi, số máy: 4D34M28446, số khung: RLAFE85PG91000010, như sau: Tổng giá trị thiệt hại còn lại sau khi đã khấu hao theo quy định là 220.780.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 07/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B đối với thiệt hại của xe ô tô mang biển kiểm soát 47C-105.97 nhãn hiệu DONGFENG, loại xe: Tải tự đổ, màu: Vàng, tải trọng hàng hóa: 13015kg, số chỗ ngồi: 03 chỗ ngồi, số máy: 3A10E1F30598, số khung: H4P8F6104784, như sau: Tổng giá trị thiệt hại còn lại sau khi đã khấu hao theo quy định là: 23.852.800 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng).

Tổng thiệt hại về tài sản của cả hai xe ô tô là: 244.632.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HSST, ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức M phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức M 01 (một) năm 03 (ba) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2023 bị cáo Phạm Đức M kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm c, d khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo mất sớm chỉ còn hai mẹ con, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức M, sửa bản án sơ thẩm về mức hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 19/8/2022, bị cáo Phạm Đức M điều khiển ô tô

biển kiểm soát 47C - 105.97, lưu thông trên đường liên xã hướng từ xã E, huyện B đi xã E, huyện C, khi đến đoạn đường cong cua về bên trái thuộc thôn 10, xã E, huyện B do không làm chủ được tay lái nên xe ô tô của bị cáo đã lấn sang phần đường bên trái theo hướng di chuyển, sau đó va chạm với xe ô tô mang biển kiểm soát 47C - 001.99 do anh Đồng Văn Q điều khiển gây tai nạn giao thông đường bộ. Hậu quả gây thương tích cho 02 người với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 84% và gây thiệt hại về tài sản cho cả hai xe ô tô là: 244.632.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Đức M đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Đức M về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Đức M, thấy rằng: Về mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, nên kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; sau khi gây tai nạn bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại và được các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có đơn xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chỉ có hai mẹ con, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Như vậy, cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Đức M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Đức M, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HSST, ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức M phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 260; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đức M cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đức M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND H. Buôn Đôn;
- VKSND H. Buôn Đôn;
- Công an H. Buôn Đôn;
- Chi cục THADS H. B;
- T.H.A hình sự Công an H. Buôn Đôn;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung